

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên hồi phục mạnh sau thông điệp của Thủ tướng Chính phủ về việc sẽ không thực hiện giãn cách xã hội

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến tích cực

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

HPG, PLX

[Vĩ mô/Chiến lược]

Sản xuất công nghiệp tháng 7

[Cập nhật ngành/công ty]

Hàng Không

BID, HDB, MBB, POW

[Quan điểm đầu tư]

Giảm thiểu vị thế ngắn hạn còn lại trong tài khoản tại vùng kháng cự đề cập

03/08/2020

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 814.65 | +2.04 |
| VN30 | 757.86 | +2.31 |
| HĐTL VN30F1M | 742.00 | +2.34 |
| HNXIndex | 110.43 | +2.72 |
| HNX30 | 204.19 | +2.87 |
| UPCoM | 55.51 | +1.30 |
| USD/VND | 23,177 | +0.04 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.95 | +1 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.25 | +8 |
| Dầu (WTI, \$) | 39.75 | -1.29 |
| Vàng (LME, \$) | 1,973.38 | -0.13 |

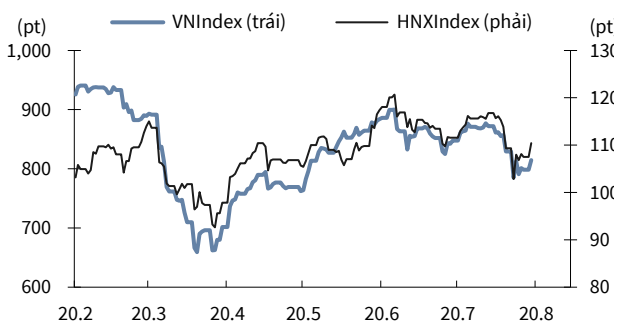


Điểm nhấn thị trường

| | |
|------------------------------------|------------------------|
| VNIndex | 814.65 (+2.04%) |
| KLGD (triệu CP) | 244.8 (+14.2%) |
| GTGD (triệu US\$) | 205.0 (+21.7%) |
| HNXIndex | 110.43 (+2.72%) |
| KLGD (triệu CP) | 49.1 (+29.7%) |
| GTGD (triệu US\$) | 17.3 (+46.6%) |
| UPCoM | 55.51 (+1.30%) |
| KLGD (triệu CP) | 33.9 (+30.0%) |
| GTGD (triệu US\$) | 8.1 (-0.4%) |
| NĐTNN mua ròng (triệu US\$) | +0.3 |

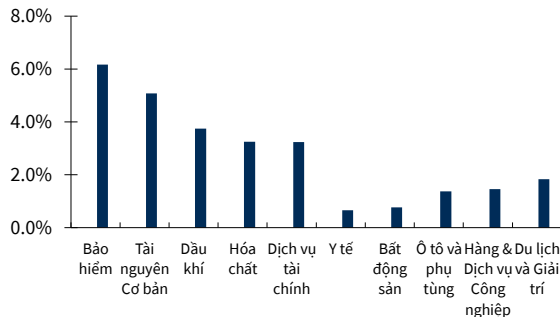
TTCK Việt Nam có phiên hồi phục mạnh sau thông điệp của Thủ tướng Chính phủ về việc sẽ không thực hiện giãn cách xã hội mà chưa tính toán phương án phù hợp, đặc biệt là khi chưa có ổ dịch, dẫn đến bế tắc các hoạt động kinh tế xã hội. Nhóm cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng giá trước thông tin trên ở VCB (+3.1%), CTG (+2.6%). Với việc Hiệp định Thương mại tự do EVFTA đã chính thức có hiệu lực vào ngày 1/8 vừa qua, cổ phiếu các ngành hưởng lợi đồng loạt tăng giá như ngành dệt may ở MSH (+6%), TCM (+4.7%), ngành thủy sản ở MPC (+2.9%), ANV (+2.3%), ngành cảng biển ở HAH (+1.5%), GMD (+1.4%). Thông tin đăng ký vốn FDI mới tháng 7 tăng 14.4% giúp cổ phiếu ngành khu công nghiệp tăng mạnh ở ITA (+7%), KBC (+4%). Cổ phiếu HPG (+5.5%) tăng mạnh sau thông tin tích cực về sản lượng bán hàng tháng 7, kéo theo đà hồi phục ở các cổ phiếu khác trong ngành như HSG (+6.8%), NKG (+5%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng, tập trung ở HPG (+5.5%), VCB (+3.1%), PHR (+1.5%).

VNIndex & HNXIndex



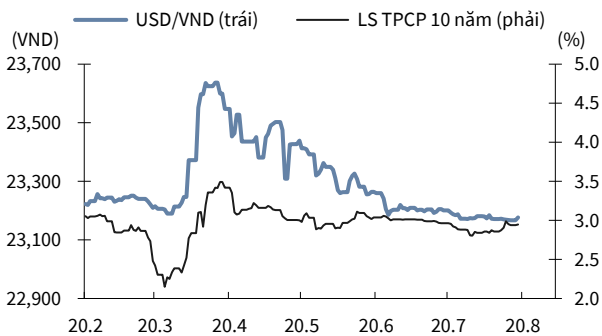
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



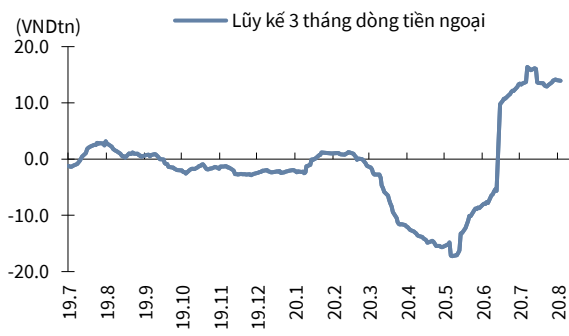
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



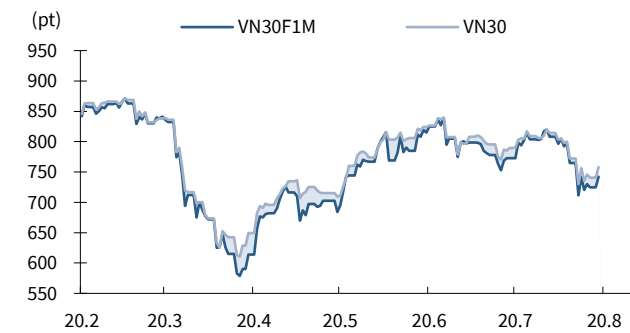
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|-------------------------|
| VN30 | 757.86 (+2.31%) |
| VN30F1M | 742.0 (+2.34%) |
| Mở cửa | 732.0 |
| Cao nhất | 745.9 |
| Thấp nhất | 730.5 |
| KLGD (HĐ) | 236,089 (-31.9%) |

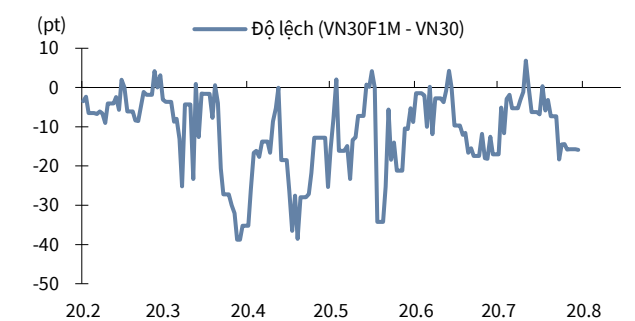
Các HĐTL diễn biến tích cực nhờ kì vọng các biện pháp cách ly xã hội trên diện rộng sẽ chưa được áp dụng tại các thành phố lớn Hà Nội và Hồ Chí Minh. Chênh lệch F2008 và VN30 mở cửa ở mức -8.73, tăng lên mức cao nhất trong ngày ở -6.13 khi nhà đầu tư gia tăng vị thế long trong bối cảnh thị trường cơ sở khởi sắc, trước khi mở rộng dần về cuối phiên và đóng cửa ở ngưỡng -15.86 khi nhà đầu tư cover lại các vị thế LONG trong ngày. NĐTNN tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường đã điều chỉnh giảm về mức trung bình sau nhiều phiên giao dịch sôi động.

HĐTL VN30F1M & VN30



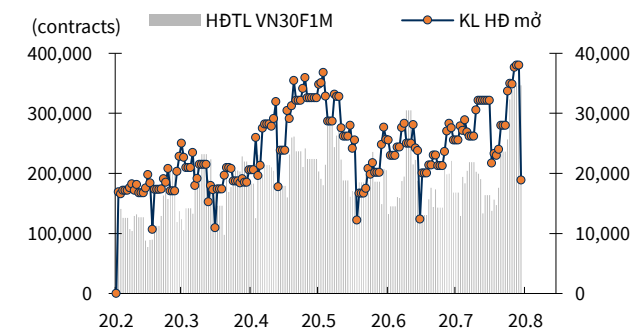
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



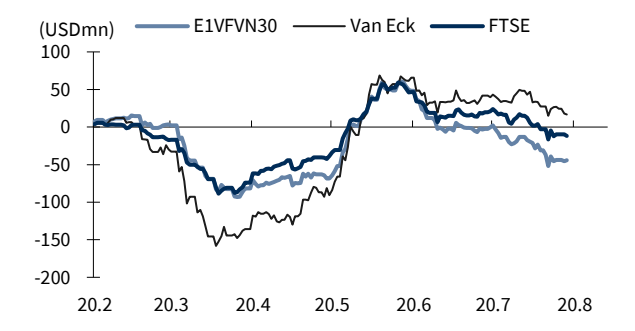
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

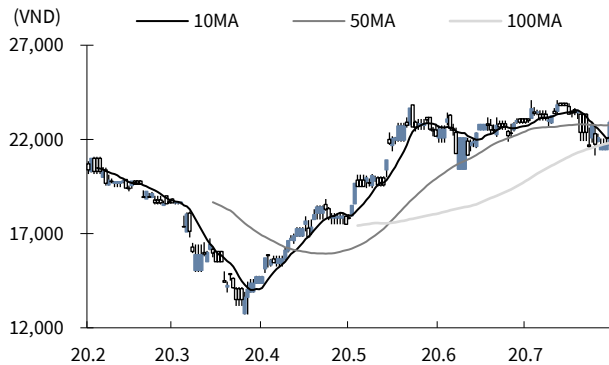
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Hòa Phát (HPG)

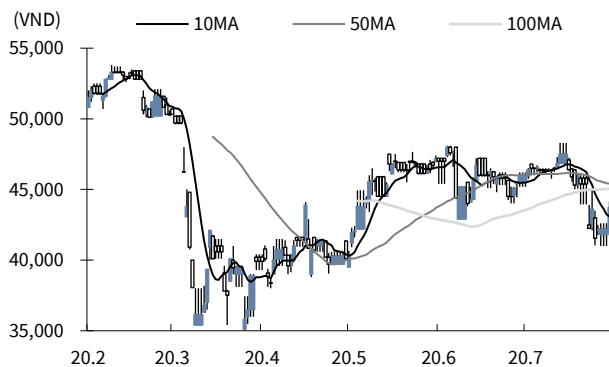


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 5.5% lên 22,900 VNĐ/cp.

- HPG mới đây công bố tình hình sản xuất kinh doanh trong tháng 7 với sản lượng bán hàng thép xây dựng đạt 300,000 tấn (+27.5% YoY và +19% MoM). Trong đó, sản lượng thép xuất khẩu đạt 53,500 tấn (+200% YoY). Đối với thị trường thép trong nước, khu vực miền Nam ghi nhận mức tăng sản lượng bán hàng gần gấp 2 lần cùng kỳ, đạt 75,000 tấn.

Petrolimex (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 3.7% lên 43,750 VNĐ/cp.

- PLX mới đây công bố BCTC hợp nhất quý II với lợi nhuận sau thuế 677 tỷ (-43% YoY) và doanh thu 26,709 tỷ (-46.3% YoY). Lợi nhuận quý 2 sụt giảm mạnh có nguyên nhân chủ yếu đến từ mức giảm mạnh của giá dầu so với cùng kỳ, cũng như tác động của dịch Covid-19 đến sản lượng bán hàng. Mặc dù vậy, mức lợi nhuận này cũng đã có sự cải thiện đáng kể so với mức lỗ kỷ lục 1,893 tỷ trong quý I do doanh nghiệp phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Sản xuất công nghiệp tháng 7

Có dấu hiệu chậm lại

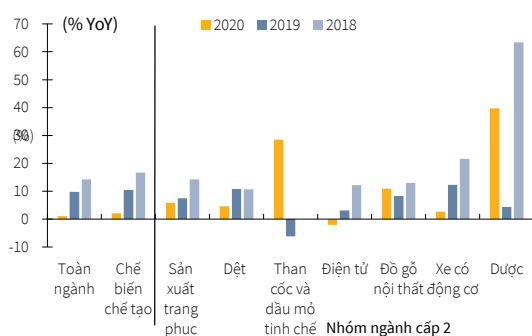
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 7 tăng chậm lại trong khi PMI giảm xuống mức dưới 50 điểm

- Theo IHS Market, PMI tháng 7 của Việt Nam giảm xuống dưới ngưỡng trung tính 50 điểm – chỉ còn 47.6 điểm từ mức 51.1 điểm trong tháng 6. Cả hai chỉ số quan trọng bao gồm sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm nhẹ so với tháng 6. Các đơn hàng hàng mới và sản lượng trong hoạt động sản xuất trung gian và đầu tư cơ bản tiếp tục giảm trong khi đó sản lượng trong hoạt động sản xuất hàng hóa tiêu dùng chỉ tăng nhẹ so với tháng trước, khi dịch bệnh tại Việt Nam đã bùng phát trở lại trong tuần cuối cùng của tháng 7. Các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu tiếp tục gặp nhiều khó khăn khi số lượng đơn hàng xuất khẩu mới giảm mạnh – tháng giảm thứ 6 liên tiếp trong 7 tháng đầu năm 2020.
- Số liệu từ Tổng cục thống kê cũng cho thấy sản lượng sản xuất công nghiệp trong tháng 7 tăng trưởng chậm lại so với tháng 6, chủ yếu do ngành điện tử giảm rõ rệt. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành trong tháng 7 chỉ tăng 1.1% so với cùng kỳ, trong đó lĩnh vực chế biến chế tạo chỉ tăng 2.1% YoY. Trong số các ngành cấp 2, đáng chú ý là IIP ngành điện tử giảm mạnh trong tháng 7 (-2% YoY) từ mức tăng 21.7% YoY trong tháng 6. Một số ngành sản xuất chủ lực khác như sản xuất trang phục, sản xuất ô tô đã hồi phục nhẹ trở lại trong khi dược phẩm vẫn duy trì đà tăng mạnh (+39.7%).

Chỉ số PMI và sản xuất công nghiệp dự kiến sẽ gặp nhiều bất lợi trong tháng 8

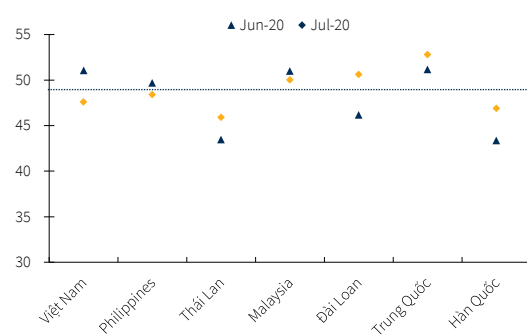
- Dịch bệnh bùng phát mạnh tại Việt Nam vào cuối tháng 7 là tín hiệu không mấy tích cực cho lĩnh vực sản xuất, khi một số địa phương như Đà Nẵng đã thực hiện lệnh cách li xã hội. PMI tháng 8 tiếp tục dự báo sẽ giảm mạnh khi hoạt động sản xuất tiêu dùng – động lực chính cho lĩnh vực sản xuất trong 3 tháng qua sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tín hiệu tích cực cho ngành điện tử trong giai đoạn tới là Samsung thông báo sẽ sớm dừng sản xuất máy tính và linh kiện tại nhà máy sản xuất máy vi tính và linh kiện cuối cùng của Samsung tại Trung Quốc và Việt Nam được đánh giá sẽ hưởng lợi trực tiếp từ việc này.

Biểu đồ 1. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7



Nguồn: TCTK, KBSV

Biểu đồ 2. PMI Việt Nam và khu vực



Nguồn: IHS Markit, KBSV

Hàng không

Tổng chuyển bay khai thác tháng 7/2020 giảm 18.2% so với cùng kỳ

Tổng chuyển bay khai thác toàn ngành giảm 18.2% yoy trong tháng 7/2020

— Trong tháng 7/2020, tổng số chuyển bay khai thác toàn ngành đạt 24,505 chuyến, giảm 18.2% yoy tuy nhiên tăng 31.6% so với tháng 6/2020. Tổng lượng khách di chuyển bằng đường hàng không đạt khoảng 4,95 triệu lượt hành khách, giảm 8.6% yoy. Kết quả hồi phục tích cực trong tháng 7 nhờ việc kiểm soát dịch tốt và trùng với mùa cao điểm du lịch. Tuy nhiên, với diễn biến dịch quay trở lại, đặc biệt tại Đà Nẵng, dự kiến lượt khách trong tháng 8 sẽ quay lại đà giảm.

LNST của HVN âm 4,030 tỷ VND trong Q2/2020

— Doanh thu Q2/2020 của HVN đạt 5,995 tỷ VND, giảm 75.2% yoy; LNST Q2/2020 đạt âm 4,030 tỷ VND so với cùng kỳ đạt 168.9 tỷ VND. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 24,808 tỷ VND, giảm 50% yoy; LNST đạt âm 6,642 tỷ VND so với cùng kỳ đạt 1,275 tỷ VND. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm nặng 5,371 tỷ VND trong 1H2020 khiến HVN phải đẩy mạnh hoạt động vay nợ khiến tỷ lệ nợ vay/tổng tài sản đạt 52.5% so với đầu năm chỉ đạt 41.8%.

LNST của VJC đạt 1,063 tỷ VND, tăng 71% yoy nhờ doanh thu từ nghiệp vụ chuyển giao thương mại máy bay và thu nhập tài chính khác

— Doanh thu Q2/2020 đạt 4,969 tỷ VND, giảm 60.8% yoy; LNST Q2/2020 đạt 1,063 tỷ VND, tăng 71% yoy. Lợi nhuận tăng mạnh nhờ VJC tiếp tục ghi nhận lãi 2,006 tỷ VND từ nghiệp vụ chuyển giao thương mại máy bay và thu nhập tài chính khác 598 tỷ VND. Nếu chỉ tính kết quả kinh doanh từ hoạt động vận tải hàng không, LNST của VJC trong Q2/2020 đạt khoảng âm 1,541 tỷ VND, tương đương lũy kế 6 tháng LNST âm 2,530 tỷ VND. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng việc tiếp tục nhận mới máy bay trong giai đoạn này của VJC là không hợp lý, khiến tăng chi phí thuê máy bay trong khi không sử dụng hết số máy bay đang có do ảnh hưởng của dịch.

Đà hội phục trong Q3/2020 sẽ gặp nhiều khó khăn, khuyến nghị không giải ngân mới đối với các cổ phiếu ngành vận tải hàng không

— Mặc dù số chuyến bay khai thác toàn ngành đã có cải thiện đáng kể trong tháng 7, tuy nhiên trước diễn biến dịch quay lại thì khả năng hồi phục của ngành hàng không trong Q3-2020 sẽ còn gặp nhiều khó khăn. Cùng với đó, các doanh nghiệp phải tăng cơ cấu nợ để vận hành doanh nghiệp khiến áp lực lãi vay sẽ ngày một lớn hơn cho đến khi hoạt động kinh doanh chính có lãi trở lại. KBSV khuyến nghị không giải ngân mới đối với các mã cổ phiếu ngành vận tải hàng không trong giai đoạn này.

Ngân hàng TMCP BIDV (BID)

KQKD Quý 2 khả quan nhờ giảm thiểu chi phí tín dụng; tích cực phát hành trái phiếu

Lợi nhuận trước thuế Quý 2 tăng 21% YoY nhờ giảm thiểu chi phí tín dụng

— Lợi nhuận trước thuế Quý 2 tăng 21% YoY, 2,640 tỷ đồng, tổng LNTT lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 4,454 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kì. So với đầu năm, tín dụng đến hết Quý 2 không còn phải đứng trước với mức tăng trưởng âm của Quý 1, song mới chỉ ghi nhận mức tăng trưởng chậm chạp ở mức 0.8% YTD so với mức 7.5% YTD cùng kì. Hoạt động tín dụng đối mặt khó khăn khi tăng trưởng tín dụng giảm mạnh, 5.1% YoY so với mức 8.6% YoY cùng kì, tăng trưởng cho vay khách hàng cũng chỉ còn 7.0% YoY so với 14.6% YoY cùng kì. Tiền gửi khách hàng đạt tăng 7% so với cùng kì, đạt 1,131,518 tỷ đồng. Tính từ đầu năm, BIDV tích cực phát hành trái phiếu, số dư phát hành giấy tờ có giá đến 1H20 đạt 85,495 tỷ đồng (+26% QoQ, +75% YoY). Theo số liệu của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, BIDV đứng đầu danh sách trong nhóm ngân hàng về phát hành trái phiếu, chiếm 35,5% giá trị trái phiếu phát hành toàn ngành với tổng giá trị phát hành thành công trong 6 tháng đầu năm là 16.602 tỉ đồng sau 27 đợt phát hành. Loại trái phiếu BIDV phát hành là trái phiếu trung và dài hạn, lãi suất bình quân khoảng 7,2 - 8%/năm.

Chất lượng tài sản có dấu hiệu suy yếu

— Tính đến Quý 2, tỷ lệ nợ xấu đã tăng nhẹ lên 2.00% so với mức 1.74% của Q1 và 1.98% cùng kì. Tuy nhiên tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý lại giảm xuống 3.81% từ mức 4.01% của Quý 1 do tỉ lệ nợ nhóm 2 giảm mạnh, xuống còn 1.81% tổng dư nợ so với 2.27% ở Quý 1. Chi phí tín dụng Quý 2 giảm xuống còn 4,101 tỷ đồng (-46% QoQ, -21% YoY), tương đương 0.36% tổng dư nợ so với mức 0.55% ở Quý 1. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống còn 80% so với mức 86% ở Quý 1.

Thu nhập lãi thuần và chi phí tín dụng giảm

— Thu nhập lãi thuần giảm mạnh, đạt 6,950 tỷ đồng tương đương với mức giảm 24% YoY phần nào lí giải cho sự suy giảm của biên lãi thuần (NIM) xuống còn 1.97% trong Quý 2 từ mức 2.71% cùng kì. Các hoạt động ngoài lãi đem lại kết quả khả quan hơn khi doanh thu phí dịch vụ tăng 8% YoY, đạt 1,179 tỷ đồng; hoạt động đầu tư cùng ghi nhận lãi mạnh với đầu tư chứng khoán kinh doanh tăng gấp 5 lần cùng kì, đạt 241 tỷ đồng và đầu tư chứng khoán đầu tư gấp 6 lần cùng kì, đạt 797 tỷ đồng. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tăng lên 37% so với mức 35% trong cùng kỳ và 31% trong Quý 1. Chi phí tín dụng chỉ còn 4,101 tỷ, giảm 46% so với quý trước và 21% cùng kì, chỉ còn chiếm 48% trên tổng thu nhập hoạt động so với mức 53% trong Quý 1.

Ngân hàng TMCP HDBank (HDB)

KQKD Quý 2 tăng mạnh nhờ vào cắt giảm chi phí

Lợi nhuận trước thuế Quý 2 tăng 47% YoY nhờ cắt giảm chi phí hoạt động

- Lợi nhuận trước thuế Q2 ghi nhận 1,657 tỷ đồng (+32%QoQ, +49% YoY), tổng LNTT lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 2,908 tỷ đồng, tương đương 51% kế hoạch lợi nhuận năm 2020. So với đầu năm, tín dụng đến hết Q2 tăng 8.6%YTD so với mức 4.8%YTD cùng kì. Tổng tín dụng vẫn tăng trưởng mạnh, đạt 14.7% YoY trong Q2 so với mức 13.8% YoY cùng kì, tăng trưởng cho vay của khách hàng đạt 16.4% YoY so với mức 14.5% YoY cùng kì.
- Tiền gửi khách hàng ổn định, đạt 149,805 tỷ đồng (+13% QoQ, +15% YoY). HDB cũng tận dụng kênh huy động bằng trái phiếu khi đã có 9 đợt phát hành hết 1H20 với giá trị huy động khoảng 10,000 tỷ đồng, riêng số lượng phát hành 6 tháng đầu năm 2020 đã tăng 15% so với cả năm 2019 và tăng 62% YoY so với cùng kì. Trái phiếu HDB phát hành có kì hạn chủ yếu từ 2-3 năm, cao nhất là 5 năm 1 ngày, nằm trong kế hoạch huy động vốn bằng trái phiếu đề ra ở ĐHCĐ 2020.

Đẩy mạnh dự phòng khi nợ xấu đang có dấu hiệu tăng

- Tính đến Q2, tỷ lệ nợ xấu đã tăng nhẹ lên 1.55% so với mức 1.47% của Q1 và 1.44% cùng kì, nhìn rộng hơn, tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý đi ngang từ mức 3.08% của Q1 và tăng nhẹ so với 2.85% cùng kì. Chi phí tín dụng đã tăng để bắt kịp tốc độ hình thành nợ xấu, đạt 408 tỷ đồng (+40%YoY), chiếm 0.25% tổng dư nợ so với mức 0.19% ở Q1. Tuy nhiên tỉ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống còn 72.2% so với mức 81.4% ở cuối năm 2019, tỉ lệ bao phủ cho nợ xấu và nợ cần chú ý, tăng nhẹ lên 36.5% từ mức 35.6% ở cuối năm 2019.

Cắt giảm chi phí quản lí triệt để để bù đắp cho chi phí tín dụng tăng mạnh

- Thu nhập lãi thuần đạt 2,780 tỷ đồng (-4% QoQ, +20%YoY); biên lãi thuần (NIM) ước tính giảm xuống 4.95% từ 5.29% cuối năm 2019. Doanh thu phí dịch vụ có dấu hiệu chững lại khi chỉ đạt mức 142 tỷ đồng (-10% QoQ, -1%YoY) trước ảnh hưởng của dịch COVID-19. Các hoạt động ngoài lãi khác trừ mua bán chứng khoán đầu tư cũng không mấy khả quan khi phải đối mặt với xu hướng giảm so với cùng kì cũng như Q1. Chi phí hoạt động được cắt giảm triệt để, kéo tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) xuống mức 35.6% so với 47.8% cùng kỳ và 51.0% trong Quý 1, chủ yếu đến từ cắt giảm chi lương và phụ cấp, dẫn đến Tổng thu nhập hoạt động (TOI) ở mức tương đương cùng kì, 3,195 tỷ đồng nhưng LNST lại có sự chênh lệch đáng kể so với Q1. Trong Q2, số nhân viên giảm 428 người so với Q1 (-3% QoQ) nhưng chi phí nhân viên giảm tới 47% QoQ. Động thái cắt giảm chi phí này tạo dư địa để tăng chi phí tín dụng trước rủi ro hình thành nợ xấu hậu COVID-19, lên 408 tỷ đồng (+40%YoY).

HD Saison - khả năng sinh lời đang có dấu hiệu suy giảm

- HD Saison ghi nhận lãi trước thuế 559 tỷ đồng (+17.7% YoY), tỉ lệ nợ xấu tăng lên 6.2% từ con số 5.4% cuối năm 2019 song biên lợi nhuận thuần (NIM) có xu hướng đi ngang từ cuối năm 2019, 7.8%. ROA, ROE tiếp xu hướng giảm từ năm 2018 xuống chỉ còn lần lượt là 5.9% và 28.4% vào Q2 (so với mức 6.2% và 32.2% vào cuối năm 2019). Tính đến hết tháng 6/2020, HDSaison đã có đến 18,025 điểm bản hàng (so với 17,101 điểm cuối năm 2019).

Ngân hàng Quân đội (MBB)

Chất lượng tài sản cải thiện giảm áp lực chi phí tín dụng, tạo động lực cho KQKD Quý 2

Lợi nhuận trước thuế Quý 2 tăng 19% YoY nhờ giảm thiểu chi phí tín dụng

— Lợi nhuận trước thuế Quý 2 tăng 19% YoY, đạt 2,923 tỷ đồng, tổng LNTT lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 5,119 tỷ đồng, tương đương 57% kế hoạch lợi nhuận 2020. Tín dụng đến hết Quý 2 còn yếu trước ảnh hưởng của dịch COVID-19, ở mức 4.1%Y TD so với mức 12.4% YTD cùng kì. Mặc dù có sự góp mặt của công ty con MCredit hoạt động trong lĩnh vực tài chính cá nhân, hoạt động tín dụng cũng không giữ được sức tăng trưởng mạnh như cùng kì năm ngoái, tín dụng Quý 2 tăng trưởng ở mức 7.9% YoY so với mức 24.5% YoY cùng kì, bên cạnh đó, tăng trưởng cho vay khách hàng cũng chỉ còn 9.4% YoY so với 16.6% YoY cùng kì. Tiền gửi khách hàng đạt đi ngang, giảm 1% so với cùng kì, đạt 257,379 tỷ đồng tuy nhiên tỉ lệ CASA đã được cải thiện lên 32.6% trong Quý 2 so với 29.9% Quý 1 và 25.7% cùng kì. Trái phiếu là kênh huy động được tận dụng tốt khi số dư danh mục phát hành giấy tờ có giá trên bảng cân đối của MB tính đến cuối Quý 2 đã đạt 33,302 tỷ đồng (+6% QoQ, +76% YoY) chủ yếu do phần tăng chứng chỉ tiền gửi dưới 12 tháng (tăng lên gần gấp đôi từ cuối năm 2019).

Chỉ số chất lượng tài sản cải thiện so với Quý 1

— Tỷ lệ nợ xấu cuối Quý 2 đã giảm xuống còn 1.37% so với mức 1.62% của Quý 1. Nhìn rộng hơn, tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý cũng giảm xuống 2.86% từ mức 3.54% của Quý 1. Tỉ lệ nợ có vấn đề đi xuống góp phần giảm bớt áp lực lên chi phí tín dụng khi chi phí tín dụng Quý 2 chỉ còn chỉ còn 1,217 tỷ (-46%QoQ, -13%YoY), tương đương 0.47% tổng dư nợ so với mức 0.84% ở Quý 1. Ngân hàng cũng thận trọng hơn khi đưa tỉ lệ bao phủ tăng lên cho cả nợ xấu lên 121% so với mức 98% ở Quý 1 và tỉ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý cũng tăng lên 58% từ mức 45% ở Quý 1.

Thu nhập lãi thuần và chi phí tín dụng giảm

— Thu nhập lãi thuần 4,624 tỷ đồng tương đương với mức tăng 5% YoY và biên lãi thuần (NIM) ước tính vẫn được duy trì ổn định ở mức 4.71% trong Quý 2 so với mức 4.73% cùng kì. Doanh thu phí dịch vụ có phần tốt hơn Quý 1 ảm đạm khi tăng 27% QoQ, đạt 945 tỷ đồng song giảm 10% YoY so với cùng kì. Các hoạt động ngoài lãi khác cũng không đem lại kết quả khả quan trong quý khi cả doanh thu từ hoạt động chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư đều giảm mạnh so với cùng kì, lần lượt giảm 140% YoY và 17% YoY. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tăng lên 37% mức 32% Quý 1. Chi phí tín dụng chỉ còn 1,217 tỷ (-46% QoQ, -13% YoY) chỉ còn chiếm 18% trên tổng thu nhập hoạt động so với mức 33% trong Quý 1

Điện lực dầu khí Việt Nam (POW)

Lợi nhuận Quý 2/2020 tăng 6.5% yoy

Lợi nhuận quý 2/2020 đạt 735 tỉ đồng, tăng 6.5% yoy

— Lợi nhuận quý 2/2020 của POW đạt 735 tỉ đồng, tăng 6.5% yoy, doanh thu đạt 7,708 tỉ đồng, giảm 22% yoy, lợi nhuận gộp quý 2 đạt 1,337 tỉ đồng, giảm 2% yoy. Trong quý 2/2020, POW đã lãi chênh lệch tỉ giá 135 tỉ đồng do tỉ giá VND/USD giảm, trong khi quý 2/2019, POW lỗ chênh lệch tỉ giá 36 tỉ đồng. Ngoài ra công ty tiếp tục trích lập 263 tỉ đồng dự phòng nợ phải thu khó đòi của công ty mua bán điện (EPTC), làm chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh lên mức 426 tỉ đồng, gần gấp đôi quý 2/2019. Khoản nợ xấu này có giá trị 1,537 tỷ đồng, POW đã trích lập được 914 tỉ đồng và còn lại khoảng 624 tỷ đồng còn cần phải tiếp tục trích lập trong tương lai. Lũy kế 1H2020, lợi nhuận và doanh thu của POW đạt lần lượt 1,179 tỉ đồng và 15,684 tỉ đồng, lần lượt giảm 23% yoy và 14% yoy, hoàn thành 66% và 44% kế hoạch cả năm 2020. Sản lượng điện 6 tháng đầu năm của POW đạt 10,903 triệu kWh, giảm 5.4% yoy. Sản lượng các nhà máy Điện khí Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 giảm lần lượt 11% yoy, 71% yoy và 6% yoy do tình trạng thiếu khí đầu vào. Sản lượng điện các nhà máy thủy điện Hòa Na và Đakđrinh cũng giảm 41% yoy và 40% yoy so tình trạng hạn hán kéo dài. Chỉ có nhà máy điện than Vũng Áng 1 có sản lượng điện tăng trưởng 53% yoy do tình trạng thiếu than đã cơ bản được giải quyết.

POW dự kiến sẽ khởi công dự án Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch 4 vào quý 2/2021

— Dự án nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện báo cáo khả thi (FS), đồng thời cũng đang đàm phán hợp đồng giá điện PPA với EVN và hợp đồng cung cấp nhiên liệu với PVGas. Ngoài ra, POW cũng đang làm việc với các tổ chức tín dụng trong nước và ngoài nước về phương án thu xếp vốn cho dự án đảm bảo hiệu quả và đáp ứng tiến độ đầu tư dự án. Dự kiến dự án sẽ khởi công trong quý 2/2021.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

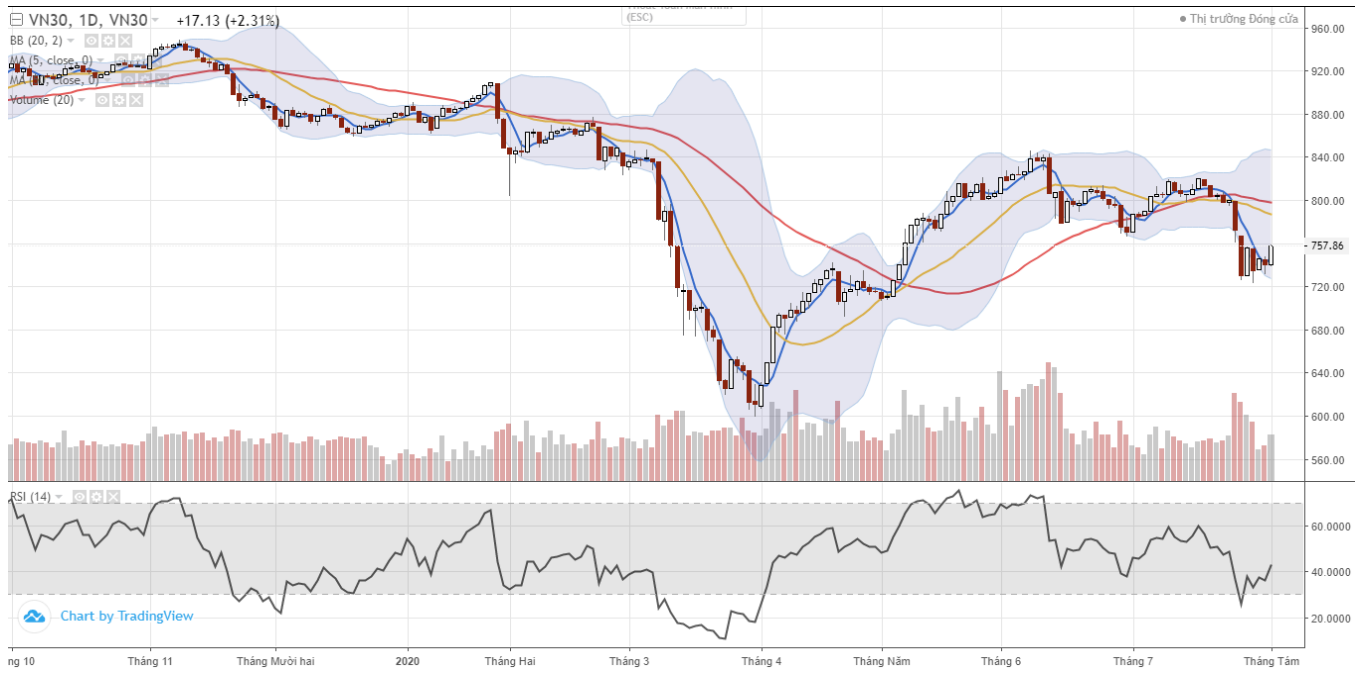
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex ghi nhận đà phục hồi trong phiên hôm nay với mẫu nến tăng điểm tích cực.
- Mặc dù cơ hội mở rộng thêm của nhịp phục hồi vẫn để ngỏ nhưng chỉ số nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực rung lắc mạnh tại vùng kháng cự 82x.
- NĐT được khuyến nghị tạm thời giảm thiểu vị thế ngắn hạn còn lại trong tài khoản tại vùng kháng cự đề cập.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 cũng diễn biến khởi sắc trong phiên hôm nay với sự hình thành của các mẫu nền tăng điểm tích cực.
- Mặc dù cơ hội mở rộng thêm của nhịp phục hồi vẫn để ngỏ nhưng chỉ số nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực rung lắc mạnh tại vùng kháng cự quanh 770 (+5).
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT khi chỉ số tiệm cận vùng kháng cự đề cập.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

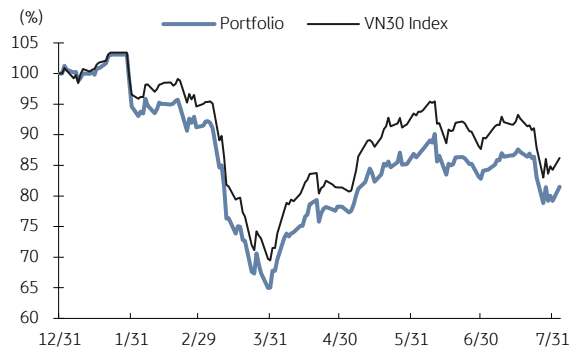
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 2.31% | 2.91% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -13.79% | -18.49% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 03/08/2020 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|--|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 76,000 | 2.0% | -34.4% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 25,300 | 1.2% | -5.6% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 52,800 | 2.3% | -31.1% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 16,200 | 2.9% | -17.9% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 33,700 | 3.9% | -0.9% | - Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 45,900 | 3.1% | 37.1% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 21,750 | 2.6% | -10.9% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| Vietjet (VJC) | 05/02/2019 | 96,000 | 1.6% | -25.7% | - Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 22,900 | 5.5% | 17.2% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbaco City Development (KBC) | 09/03/2020 | 12,900 | 4.0% | -5.8% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 5.5% | 35.9% | 30.3 |
| VCB | 3.1% | 23.8% | 14.3 |
| PHR | 3.0% | 10.7% | 9.8 |
| STB | 2.5% | 9.0% | 9.3 |
| PLX | 3.7% | 14.6% | 8.5 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VHM | 1.0% | 20.2% | -31.1 |
| SAB | 0.6% | 63.3% | -19.2 |
| MSN | 4.2% | 38.7% | -15.7 |
| VRE | 2.2% | 31.0% | -14.9 |
| VNM | 2.1% | 58.7% | -14.3 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| DTD | 9.6% | 0.1% | 0.4 |
| PVB | 3.6% | 0.0% | 0.4 |
| NTP | 0.0% | 18.8% | 0.1 |
| PMC | 2.9% | 22.1% | 0.1 |
| BVS | 1.1% | 24.8% | 0.0 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHB | 2.5% | 6.6% | -0.4 |
| SRA | 0.0% | 2.5% | -0.2 |
| SHS | 3.1% | 6.1% | -0.2 |
| AMV | 3.5% | 3.9% | -0.2 |
| NST | -9.6% | 8.9% | -0.1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | 6.6% | HPG, HSG |
| Bảo hiểm | 5.9% | BVH, BIC |
| Công nghệ thông tin | 5.1% | FPT, SAM |
| Bất động sản | 4.7% | VHM, VIC |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 4.2% | GAS, POW |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Du lịch và Giải trí | -1.7% | VJC, HVN |
| Truyền thông | 1.7% | PNC, YEG |
| Hóa chất | 2.1% | VFG, TNC |
| Xây dựng và Vật Liệu | 2.5% | ROS, CEE |
| Bán lẻ | 2.9% | PSH, FRT |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 0.6% | GEX, LGC |
| Tài nguyên Cơ bản | -0.4% | HPG, DHC |
| Y tế | -0.7% | OPC, TRA |
| Công nghệ thông tin | -1.3% | SAM, ICT |
| Ô tô và phụ tùng | -1.9% | SVC, CSM |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Du lịch và Giải trí | -12.0% | VJC, HVN |
| Truyền thông | -11.7% | YEG, PNC |
| Hóa chất | -9.0% | GVR, DGC |
| Bán lẻ | -8.2% | MWG, FRT |
| Bảo hiểm | -7.8% | PGI, BMI |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD | |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 87,600 | 296,301 (12,783) | 31,995 (1.4) | 22.8 | 47.3 | 30.3 | 19.3 | 8.7 | 8.9 | 3.3 | 3.0 | 0.1 | 3.1 | -2.9 | -23.8 | |
| | VHM | VINHOMES JSC | 78,500 | 258,227 (11,141) | 138,633 (6.0) | 28.8 | 9.8 | 8.9 | 33.6 | 37.9 | 28.9 | 3.1 | 2.3 | 1.0 | 10.7 | 0.9 | -7.4 | |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 25,650 | 58,285 (2,515) | 66,395 (2.9) | 18.1 | 22.4 | 16.8 | 3.9 | 9.9 | 11.9 | 2.0 | 1.9 | 2.2 | -4.3 | -3.2 | -24.6 | |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 64,300 | 62,341 (2,690) | 61,702 (2.7) | 32.2 | 19.0 | 20.4 | -2.0 | 13.4 | 12.2 | 2.4 | 2.1 | -1.2 | 2.4 | 3.0 | 8.1 | |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 23,600 | 12,380 (534) | 13,372 (0.6) | 5.0 | 12.2 | 10.2 | 11.8 | 14.0 | 15.5 | 1.6 | 1.4 | 3.3 | 2.6 | -1.7 | -12.3 | |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 9,060 | 4,700 (203) | 39,221 (1.7) | 10.6 | 4.6 | 4.0 | -14.2 | 12.3 | 14.3 | 0.6 | 0.5 | 3.2 | 3.2 | - | 21.2 | -37.5 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 78,800 | 292,260 (12,609) | 71,148 (3.1) | 6.2 | 17.6 | 14.5 | 11.9 | 19.8 | 19.5 | 3.0 | 2.5 | 3.1 | 2.3 | -5.1 | -12.6 | |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 37,200 | 149,619 (6,455) | 36,322 (1.6) | 12.3 | 32.4 | 18.4 | -11.3 | 9.1 | 12.3 | 2.0 | 1.8 | 1.5 | 4.6 | -4.9 | -19.4 | |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 18,600 | 65,103 (2,809) | 32,174 (1.4) | 0.0 | 6.4 | 5.4 | 3.8 | 15.8 | 15.5 | 0.9 | 0.8 | 2.5 | 2.5 | -6.1 | -21.0 | |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 21,750 | 80,984 (3,494) | 100,720 (4.3) | 0.0 | 12.1 | 9.0 | 16.4 | 10.1 | 12.0 | 1.0 | 0.9 | 2.6 | 5.1 | -2.5 | 4.1 | |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 20,950 | 51,071 (2,203) | 68,494 (3.0) | 0.0 | 6.6 | 5.4 | 0.4 | 16.5 | 16.7 | 1.0 | 0.9 | 3.7 | 6.1 | -1.6 | 4.8 | |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 16,200 | 39,065 (1,685) | 65,143 (2.8) | 0.0 | 5.4 | 4.4 | 7.8 | 18.4 | 18.2 | 0.8 | 0.7 | 2.9 | 5.5 | -3.9 | -22.1 | |
| | HDB | HDBANK | 24,400 | 23,568 (1,017) | 23,234 (1.0) | 9.5 | 6.2 | 4.9 | 16.8 | 20.4 | 21.9 | 1.0 | 0.9 | 1.9 | 3.6 | -6.2 | -11.4 | |
| | STB | SACOMBANK | 10,350 | 18,668 (805) | 114,510 (4.9) | 14.6 | 10.3 | 6.7 | 10.6 | 8.3 | 10.0 | - | - | 2.5 | 2.0 | -5.9 | 3.0 | |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,650 | 16,862 (727) | 1,675 (0.1) | 0.0 | 5.9 | 4.9 | 34.4 | 22.4 | 18.4 | 1.0 | 0.9 | 0.2 | 5.9 | 0.2 | -1.9 | |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 16,600 | 20,409 (880) | 3,464 (0.1) | 0.0 | 35.7 | 34.2 | -6.9 | 3.6 | 3.6 | 1.3 | 1.2 | 0.3 | 1.2 | -7.0 | -6.7 | | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 43,200 | 32,068 (1,384) | 25,507 (1.1) | 20.8 | 30.9 | 23.2 | -5.4 | 5.9 | 7.5 | 1.6 | 1.6 | 6.9 | 6.5 | -7.1 | -37.0 | |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 20,450 | 1,868 (081) | 2,769 (0.1) | 13.9 | - | - | - | 7.6 | 8.6 | 0.8 | 0.8 | 2.3 | 2.5 | -6.0 | -17.5 | |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 14,100 | 8,473 (366) | 85,131 (3.7) | 50.8 | 10.0 | 7.8 | -17.7 | 8.2 | 10.7 | 0.8 | 0.8 | 4.1 | 6.0 | -6.9 | -9.4 | |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 20,950 | 3,442 (148) | 16,586 (0.7) | 70.9 | 7.5 | 5.8 | -24.9 | 11.1 | 13.0 | 0.8 | 0.7 | 4.5 | 4.8 | -6.3 | -29.0 | |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 17,150 | 5,232 (226) | 35,526 (1.5) | 48.2 | 11.7 | 7.3 | -22.5 | 11.0 | 17.1 | 1.2 | 1.1 | 3.9 | 6.9 | -9.7 | -19.7 | |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 11,350 | 2,367 (102) | 6,242 (0.3) | 13.2 | 10.2 | 6.4 | -19.1 | 7.4 | 11.2 | 0.7 | 0.7 | 1.3 | 1.3 | - | 12.7 | -21.2 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,200 | 190,158 (8,204) | 127,808 (5.5) | 41.3 | 18.4 | 17.2 | 6.2 | 37.7 | 38.1 | 6.4 | 5.7 | 2.1 | 5.6 | -4.3 | -6.3 | |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 169,000 | 108,377 (4,676) | 36,473 (1.6) | 36.7 | 27.2 | 23.5 | -2.2 | 20.5 | 23.0 | 5.4 | 4.8 | 0.6 | -2.3 | -3.4 | -25.9 | |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 52,600 | 61,487 (2,653) | 62,583 (2.7) | 10.3 | 54.4 | 25.9 | -50.7 | 3.0 | 7.2 | 1.4 | 1.3 | 4.2 | 6.3 | -8.0 | -6.9 | |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,000 | 13,303 (574) | 10,084 (0.4) | 48.7 | - | - | - | - | - | - | - | 0.4 | 3.0 | - | 22.1 | -13.7 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 96,000 | 50,289 (2,170) | 31,856 (1.4) | 12.0 | 175.8 | 11.8 | -76.5 | 9.6 | 24.2 | 3.1 | 3.3 | 1.6 | -1.9 | - | 11.1 | -34.3 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 18,550 | 5,508 (238) | 4,240 (0.2) | 0.0 | 14.6 | 12.8 | -54.8 | 6.9 | 7.7 | 0.9 | 0.9 | 1.4 | 6.9 | -1.9 | -20.4 | |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 17,500 | 4,180 (180) | 23,891 (1.0) | 33.5 | 12.3 | 13.1 | 105.5 | 7.7 | 7.0 | 0.9 | 0.9 | 0.6 | 2.3 | -5.1 | -22.2 | |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 2,140 | 1,215 (052) | 26,754 (1.2) | 47.0 | - | - | - | - | - | - | - | 2.4 | -5.3 | - | 28.7 | -87.6 |
| | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 19,350 | 9,094 (392) | 67,909 (2.9) | 33.2 | 12.5 | 9.7 | -16.2 | 11.7 | 13.9 | - | - | 4.6 | 3.8 | 11.8 | 0.0 | |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 70,100 | 5,348 (231) | 59,807 (2.6) | 3.0 | 9.5 | 9.5 | -39.4 | 6.6 | 6.8 | 0.6 | 0.6 | 4.9 | 2.3 | - | 12.3 | 36.6 |
| | REE | REE | 33,700 | 10,449 (451) | 15,146 (0.7) | 0.0 | 6.8 | 6.1 | -10.3 | 12.9 | 14.0 | 0.9 | 0.8 | 3.9 | 6.3 | 6.1 | - | -7.2 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiền ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 67,200 | 128,617 (5,549) | 43,758 (1.9) | 45.8 | 17.6 | 13.5 | -19.9 | 15.3 | 19.3 | 2.6 | 2.5 | 2.6 | 5.0 | -4.4 | -28.3 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 20,550 | 5,916 (255) | 7,380 (0.3) | 30.7 | 8.4 | 8.1 | -2.4 | 16.7 | 17.9 | 1.4 | 1.4 | 1.0 | 1.7 | -6.8 | -5.1 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 23,200 | 7,438 (321) | 3,128 (0.1) | 32.5 | 7.7 | 8.5 | -7.3 | 16.0 | 14.5 | 1.2 | 1.2 | 0.9 | 0.0 | -4.3 | -13.8 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 22,900 | 75,874 (3,273) | 342,621 (14.8) | 13.1 | 8.5 | 6.9 | 1.0 | 18.2 | 19.5 | 1.4 | 1.2 | 5.5 | 5.9 | -0.1 | 16.9 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 14,150 | 5,537 (239) | 32,249 (1.4) | 38.2 | 9.2 | 9.5 | -0.7 | 8.8 | 8.1 | 0.7 | 0.7 | 3.7 | 6.4 | -1.4 | 9.3 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 8,120 | 4,299 (185) | 13,410 (0.6) | 47.2 | - | - | - | - | - | - | - | 2.8 | 3.8 | -6.1 | 24.9 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 10,150 | 4,510 (195) | 102,775 (4.4) | 38.4 | 6.0 | 6.1 | 38.6 | 13.9 | 11.4 | 0.7 | 0.6 | 6.8 | 4.4 | - | 14.3 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 11,200 | 2,365 (102) | 18,827 (0.8) | 97.4 | 5.9 | 6.7 | 37.9 | 13.4 | 10.4 | 0.6 | 0.5 | 2.8 | 1.4 | -8.6 | -11.8 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 43,750 | 52,754 (2,276) | 27,444 (1.2) | 5.4 | 37.0 | 15.3 | -35.7 | 7.1 | 15.3 | 2.2 | 1.9 | 3.7 | 3.6 | -4.8 | -21.9 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 9,410 | 3,963 (171) | 30,033 (1.3) | 37.2 | 37.6 | 17.8 | -16.4 | 0.9 | 0.9 | 0.3 | 0.3 | 4.7 | 4.2 | -7.7 | -37.5 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 9,600 | 2,702 (117) | 10,913 (0.5) | 26.4 | 6.4 | 5.4 | -19.1 | 8.9 | 9.9 | 0.5 | 0.5 | 2.7 | 7.5 | -7.2 | -42.9 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 76,000 | 34,414 (1,485) | 61,206 (2.6) | 0.0 | 9.3 | 7.1 | 12.4 | 27.7 | 28.6 | 2.2 | 1.7 | 2.0 | 3.1 | -7.0 | -33.3 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 52,800 | 11,887 (513) | 27,648 (1.2) | 0.0 | 13.8 | 11.3 | -2.7 | 20.9 | 23.1 | 2.3 | 2.1 | 2.3 | 1.3 | -9.9 | -38.6 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 47,000 | 1,387 (060) | 1,162 (0.1) | 69.3 | 19.8 | 14.4 | -28.1 | 6.7 | 8.5 | 1.3 | 1.2 | 2.4 | 1.8 | - | 12.3 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 21,000 | 1,659 (072) | 16,662 (0.7) | 13.7 | 10.5 | 8.3 | -31.9 | 11.8 | 13.7 | 1.2 | 1.0 | 2.9 | -1.9 | - | 10.4 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 51,500 | 6,978 (301) | 72,077 (3.1) | 38.3 | 6.7 | 7.2 | 27.8 | 36.8 | 29.8 | 2.3 | 2.0 | 3.0 | 5.0 | -2.1 | 34.8 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 91,700 | 11,989 (517) | 1,091 (0.0) | 45.4 | 18.6 | 17.2 | 4.6 | 19.5 | 19.4 | 3.4 | 3.2 | 0.7 | 0.8 | -0.3 | 0.2 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 63,800 | 4,786 (206) | 585 (0.0) | 37.9 | - | - | - | - | - | - | - | -0.3 | 4.6 | -0.2 | 17.5 |
| IT | FPT | FPT CORP | 45,900 | 35,981 (1,552) | 77,378 (3.3) | 0.0 | 10.3 | 8.7 | 19.5 | 24.3 | 25.9 | 2.3 | 2.1 | 3.1 | 5.0 | -0.8 | -9.5 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.